

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2019/DS-ST
Ngày: 27/11/2019
“V/v tranh chấp HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Hải

2. Ông Nguyễn Văn Vệ

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số: 215/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1967;

2. Hồ Văn Th, (chồng bà T) sinh năm: 1970;

Cùng địa chỉ: Số 168, Phạm Hữu Lầu, Khóm 4, Phường A, Tp. C, tỉnh Đồng Tháp;

Đại diện theo ủy quyền của bà Tịnh: Ông Hồ Văn Th, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Số 168, Phạm Hữu Lầu, Khóm 4, Phường A, Tp. C, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 17/7/2019).

- *Bị đơn:* Nguyễn Phương D, sinh năm: 1951;

Địa chỉ: Số 35, Tổ 38, khóm Mỹ Thiện, Phường B, thành phố C, Đồng Tháp;

(Ông Th có mặt tại phiên tòa; bà D vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2019 của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T và ông Hồ Văn Th và quá trình giải quyết vụ án ông Hồ Văn Th cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày:

Bà T và ông Th là vợ chồng sống chung nhà. Do bà T và bà Nguyễn Phương D có quen biết nên ngày 27/12/2018 bà D mượn bà T số tiền 28 triệu, có làm biên nhận tiền nhưng không ghi thời hạn trả. Bà T có yêu cầu bà D trả số tiền mượn nhiều lần nhưng bà D không thực hiện. Trong biên nhận không ghi phần lãi nhưng giữa bà T và bà D có thỏa thuận miệng về lãi suất là 2%/tháng và từ ngày bà D mượn tiền đến nay bà D cũng không có đóng lãi cho bà T.

- Nay, đại diện theo ủy quyền của bà T (có ông Th) yêu cầu bà Nguyễn Phương D phải trả số tiền mượn là 28 triệu và số tiền lãi, tính từ ngày 27/12/2018 đến ngày 27/7/2019 là 07 tháng, lãi suất 10%/năm, bằng tiền 1.633.000đ. Bà T không yêu cầu tính lãi kể từ ngày 27/7/2019 đến ngày Tòa án xét xử.

- Ngoài ra, ông Th cũng cho bà Nguyễn Phương D vay tiền tổng cộng 85 triệu, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, vay để sử dụng vào mục đích trả tiền mua bán tôm, cụ thể các lần vay gồm:

- + Ngày 27/10/2018 bà D vay 37 triệu, hạn đến ngày 30/10/2018 trả.
- + Ngày 17/11/2018 bà D vay 10 triệu, hạn đến ngày 17/12/2018 trả.
- + Ngày 27/11/2018 bà D vay 10 triệu, hạn đến ngày 05/01/2019 trả.
- + Ngày 05/12/2018 bà D vay 11 triệu, hạn đến ngày 20/12/2018 trả.
- + Ngày 10/12/2018 bà D vay 10 triệu, hạn đến ngày 15/12/2018 trả.
- + Ngày 05/01/2019 bà D vay 07 triệu, hạn đến ngày 10/01/2019 trả.

Qua các lần vay tiền bà D đều có làm hợp đồng cho cá nhân vay tiền và có chữ ký tên của hai bên. Đến nay đã hết hạn trả tiền mà bà D chưa trả tiền cho ông Th. Mặc dù ông Th có yêu cầu bà D trả số tiền vay và tiền lãi nhiều lần mà bà D không thực hiện, tìm cách hứa hẹn nhiều lần.

- Nay ông Th yêu cầu bà Nguyễn Phương D phải trả số tiền vay gốc 85 triệu, và số tiền lãi từng đợt như sau:

- + Ngày 27/10/2018 đến ngày 17/7/2019 tính tròn là 08 tháng (37 triệu x 1,66%/tháng x 08 tháng = 4.913.000đ).
- + Ngày 17/11/2018 đến ngày 17/7/2019 là 08 tháng (10 triệu x 1,66%/tháng x 08 tháng = 1.328.000đ).
- + Ngày 27/11/2018 đến ngày 17/7/2019 tính tròn là 07 tháng (10 triệu x 1,66%/tháng x 07 tháng = 1.162.000đ).
- + Ngày 05/12/2018 đến ngày 17/7/2019 tính tròn là 07 tháng (11 triệu x 1,66%/tháng x 07 tháng = 1.278.000đ).
- + Ngày 10/12/2018 đến ngày 17/7/2019 là 07 tháng (10 triệu x 1,66%/tháng x 07 tháng = 1.162.000đ).
- + Ngày 05/01/2019 đến ngày 17/7/2019 tính tròn là 06 tháng (07 triệu x 1,66%/tháng x 06 tháng = 697.000đ).

Như vậy, phần tiền lãi bà D phải trả cho ông Th là 10.540.000đ. Tuy nhiên, bà D đã trả được 01 triệu tiền lãi nên số tiền bà D còn phải trả cho ông Th là nợ

gốc 85 triệu, nợ lãi 9.540.000đ. Tổng cộng là 94.540.000đ.

Ý kiến của ông Th: ông không yêu cầu chồng bà D có trách nhiệm liên đới phải trả số tiền nợ cho ông và cho bà T, bởi vì khi vay tiền thì ông và bà T chỉ cho cá nhân bà D vay nên chồng bà D không có liên quan.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác,

Tại phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Nguyễn Phương D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không nộp văn bản ý kiến về việc bà T và ông Th kiện yêu cầu trả số tiền nợ vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện vào năm 2018 và năm 2019 vợ chồng bà T và ông Th có cho bà D vay tiền và có biên nhận nợ của bà D. Như vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Nguyễn Phương D có địa chỉ tại khóm Mỹ Thiện, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn bà T yêu cầu bà Nguyễn Phương D trả số tiền 28.000.000đ, lãi 1.633.000đ. Bà T chứng minh bằng: Biên nhận ngày 27/12/2018 (bản chính).

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Hồ Văn Th yêu cầu bà Nguyễn Phương D trả số tiền vay nợ gốc 85 triệu, nợ lãi 10.540.000đ. Tổng cộng là 95.540.000đ. Ông Th chứng minh bằng: 06 hợp đồng cho cá nhân vay tiền (bản chính).

Qua lời trình bày của ông Th là nguyên đơn và cũng là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T thì có căn cứ xác định bà D có vay tiền của bà T và ông Th, số tiền vay của bà T là 28 triệu; số tiền vay của ông Th là 85 triệu, bà D là người trực tiếp nhận tiền.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bà D hợp lệ nhưng bà D vắng mặt không có lý do và cũng không nộp văn bản ý kiến nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại

Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bà D biết rõ bà T khởi kiện bà số tiền vay nợ gốc 28 triệu và lãi; ông Th khởi kiện bà số tiền vay nợ gốc 85 triệu và lãi nhưng bà D không có văn bản ý kiến, điều đó chứng minh bà D thừa nhận nợ đối với bà T và ông Th. Vì vậy, yêu cầu của bà T và ông Th đối với bà D là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*.

Về lãi suất: Do phía nguyên đơn bà T yêu cầu bà D trả lãi theo quy định với mức lãi 10%/năm, tính từ ngày 27/12/2018 đến ngày 27/7/2019 là 07 tháng $= 28 \text{ triệu} \times 10\%/\text{năm} \times 7 \text{ tháng} = 1.633.000\text{đ}$ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tịnh.

Phía nguyên đơn ông Th yêu cầu bà D trả lãi theo quy định với mức lãi 20%/năm, số tiền lãi từng đợt như sau:

- + Ngày 27/10/2018 đến ngày 17/7/2019 tính tròn là 08 tháng $(37 \text{ triệu} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} = 4.913.000\text{đ})$.

- + Ngày 17/11/2018 đến ngày 17/7/2019 là 08 tháng $(10 \text{ triệu} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} = 1.328.000\text{đ})$.

- + Ngày 27/11/2018 đến ngày 17/7/2019 tính tròn là 07 tháng $(10 \text{ triệu} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} = 1.162.000\text{đ})$.

- + Ngày 05/12/2018 đến ngày 17/7/2019 tính tròn là 07 tháng $(11 \text{ triệu} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} = 1.278.000\text{đ})$.

- + Ngày 10/12/2018 đến ngày 17/7/2019 tính tròn là 07 tháng $(10 \text{ triệu} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} = 1.162.000\text{đ})$.

- + Ngày 05/01/2019 đến ngày 17/7/2019 tính tròn là 06 tháng $(07 \text{ triệu} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} = 697.000\text{đ})$.

Như vậy, phần tiền lãi bà D phải trả cho ông Th là 10.540.000đ. Tuy nhiên, ông Th thừa nhận bà D đã trả lãi được 01 triệu nên số tiền bà D còn phải trả lãi cho ông Th là 9.540.000đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận yêu cầu của ông Th.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T và ông Hồ Văn Th, buộc bà Nguyễn Phương D phải trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền 28 triệu và tiền lãi 1.633.000đ; buộc bà Nguyễn Phương D phải trả cho ông Hồ Văn Th số tiền 85 triệu và tiền lãi là 9.540.000đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc T và ông Hồ Văn Th nên bà Nguyễn Phương D phải chịu án phí nhưng do bà D là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T và ông Hồ Văn Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T. Buộc bà Nguyễn Phương D phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền vay nợ gốc là 28.000.000 đồng và tiền lãi là 1.633.000đ. Tổng cộng là 29.633.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn Th. Buộc bà Nguyễn Phương D phải có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Văn Th số tiền vay nợ gốc là 85.000.000 đồng và tiền lãi là 9.540.000đ. Tổng cộng là 94.540.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Phương D được miễn tiền án phí theo quy định.

Bà Nguyễn Ngọc T được nhận lại 799.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai tạm thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005096 ngày 22/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự Tp. Cao Lãnh (do ông Hồ Văn Th nộp thay).

Ông Hồ Văn Th được nhận lại 2.594.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai tạm thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005119 ngày 26/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự Tp. Cao Lãnh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bà Nguyễn Ngọc T và ông Hồ Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Phương D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND TPCL;
- TAND Tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Mỹ